TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày: 08 -4 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Tài
2. Ông Lê Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Vũ T, sinh năm: 1988, nơi sinh: tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh B; nghề nghiệp: làm thuê ; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R (chết) và bà Đặng Thị H (sống); bị cáo hiện đang chung sống như vợ chồng với Trần Thị Kiều A (vợ cũ trước đó đã ly hôn), có 04 người con;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 01 tháng 5 năm 2021, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 5 cơ sở karaoke Hương Cau, ở ấp Thạnh Hòa A, thị trấn T huyện T, tỉnh B nên ngày 25 tháng 5 năm 2021 bị Trưởng Công an huyện T, tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-XPHC, xử phạt Lê Vũ T với số tiền 750.000 đồng, đã nộp phạt vào ngày 01 tháng 6 năm 2021.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Vũ T: Bà Lê Thị Mộng T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị hại*: Anh Dương Chí L, sinh năm 1991; nơi cư trú: 104/1 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị Ngọc H, sinh năm: 2002; nơi cư trú: ấp C, xã G, huyện T, tỉnh B (có mặt).

- *Người làm chứng*:

+ Anh Trà Minh N, sinh năm: 2000; nơi cư trú: số nhà 86/5 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B; hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện Th (có mặt).

+ Anh Hồ Thanh L, sinh năm: 2001; nơi cư trú: ấp A1, xã A huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

+ Anh Mai Thanh T, sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện Th, tỉnh B (có mặt).

+ Bà Đào Thị P, sinh năm: 1971; địa chỉ: 71/6 ấp H, Thị trấn T, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Vũ T, Dương Chí L (L Hí), Trà Minh N (Long N) và Hồ Thanh L (Bo) là bạn chơi chung với nhau. Vào đầu tháng 09 năm 2020, T nghi ngờ L nói xấu T với bạn gái là Nguyễn Thị Xuân A dẫn đến Xuân A chia tay T rồi L và Xuân A quen biết, yêu đương với nhau nên giữa T và L xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21 tháng 10 năm 2020, T ngồi uống nước cùng với N, L tại xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre thì nhớ đến mối quan hệ giữa L và Xuân A nên T dùng điện thoại gọi cho L hỏi: "Mày đang ở đâu tao với mày gặp nhau nói chuyện một cái?". L đang nghỉ tại nhà nghỉ X (ở ấp H, thị trấn T, huyện T, tỉnh B), nghe T gọi L trả lời: "Em đang ngủ!" rồi tắt máy. T tiếp tục gọi nhưng L không bắt máy, T nhắn tin cho L bằng đường truyền SMS: "Mày ở đâu? Ra gặp tao nói chuyện! Còn không mày trốn luôn đi, đừng để tao kiếm được mày!". L đọc được tin nhắn thì T tiếp tục gọi đến hỏi: "Mày đang ở đâu?". L trả lời: "Em đang ở nhà nghỉ X!". T nói: "Vậy mày ở đó đi, lát tao tới!" rồi tắt máy. Nói chuyện điện thoại xong, T quay sang nói với N và L: "Hai em ở đây uống cà phê đi, anh lên gặp thằng L nói chuyện một cái!". Thấy T không có xe, N nói: "Thôi để em chở anh đi!" thì T đồng ý. L nói: "Vậy em cũng đi theo luôn, ở đây một mình buồn!". N dùng xe mô tô của N chở T. L tự điều khiển xe mô tô của L đi theo. Đến nhà nghỉ X, khoảng 09 giờ cùng ngày, T tiếp tục gọi điện thoại hỏi L số phòng. L cho T biết đang ở phòng số 21 nên T đến gõ cửa thì L ra mở cửa, lần lượt T bước vào phòng trước rồi đến N, L. L vào sau nên L đóng cửa phòng lại. T nói: "Mày là em tao sao mày làm như vậy?". L im lặng không trả lời. T lập lại câu hỏi thì L nói: "Em sai rồi, em xin lỗi anh!". Vừa dứt câu, T dùng chân phải đạp mạnh một cái vào mặt của L làm L ngã ngửa ra nệm. T tiếp tục nhảy lên giường nệm dùng hai tay đấm nhiều cái vào vùng mặt của L. L dùng hai tay đỡ. Tiếp đến, T nắm cổ áo của L kéo L ngồi dậy. L nói: "Tại chú mày mà vợ chồng anh T mới chia tay!". T tiếp tục dùng đầu

gối chân phải kéo đầu L xuống thúc đầu gối lên nhiều lần, trúng đầu, mặt, ngực của L. L dùng hai tay ôm đầu lại rồi vùng chạy và bị ngã xuống nền gạch trong phòng. T tiếp tục đi đến chỗ L nằm dùng chân phải đạp nhiều cái vào hông trái, ngực của L. L nói: "Chết em rồi, em biết lỗi rồi, anh tha cho em đi!". N khuyên can nên nói: "Thôi đi anh, đánh bao nhiêu đó được rồi anh!". Nghe N khuyên can, T dừng lại. L đi lại giường nệm nằm. T, N và L bỏ ra về. L dùng điện thoại gọi cho Mai Thanh T (bạn của L) đến để đưa đến Trung tâm y tế huyện T sau đó chuyển đến Bệnh viện N (tỉnh B) cấp cứu và điều trị, ngày 02 tháng 11 năm 2020 thì xuất viện.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 1702/GCN-TTYT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Y tế huyện T ghi nhận về tình trạng thương tích của Dương Chí L như sau:

- Tình trạng thương tích lúc vào viện: sưng nề trên cung mày phải, đường kính khoảng 02cm x 02cm, 02 mắt và gò má trái đường kính khoảng 05cm x 05cm; sưng nề vùng mũi, chảy máu lượng ít; đau cánh tay phải trương lực cơ 5/5; ấn đau hông trái, phản ứng thành bụng (-).

- Tình trạng thương tích lúc chuyển viện: bệnh tỉnh, sinh hiệu ổn, đau nhức gò má trái, hạn chế động tác nhai, cắn gò má trái; Xquang: gãy xương gò má trái; siêu âm: hiện tại chưa phát hiện bất thường; bệnh nặng chuyển viện. Chẩn đoán lúc chuyển viện: tổn thương nông vùng đầu mặt, đau bụng không xác định, tổn thương nông cánh tay phải, gãy xương gò má trái.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000558/2020/CN ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bệnh viện N (tỉnh B) ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Dương Chí L như sau: sưng nề trán phải, má trái, phải và vùng quanh 02 mắt; há miệng hạn chế 03cm, đau khi há lớn; khớp cắn đúng; ấn đau mạn sườn phải. Chụp cắt lớp vi tính: gãy hàm gò má – cung tiếp trái.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 08 – 0121/TgT ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận: dấu hiệu chính qua giám định: sưng nề trán phải, má trái, phải và vùng quanh hai mắt, há miệng hạn chế 03cm; khớp cắn đúng, ấn đau hạ sườn phải. Chụp cắt lớp vi tính: gãy xương hàm – gò má cung tiếp trái. Phẫu thuật: kết hợp xương hàm – gò má trái bằng nẹp Vis. Hiện: há miệng ăn uống được, độ khít hàm bình thường, khớp cắn đúng. Cơ chế hình thành vết thương là do vật tày gây ra. Áp dụng Chương 11 Mục I.2 của Thông tư 22/2019/TT – BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Dương Chí L là 10%.

Không đồng ý với kết luận giám định của Trung tâm Pháp y tỉnh B, ngày 28 tháng 01 năm 2021, Dương Chí L có đơn yêu cầu giám định lại lần thứ nhất. Ngày 04 tháng 02 năm 2021, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ nhất số 02.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, Cơ quan điều tra nhận được Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 36/21/TgT ngày 19/3/2021 của Phân viện Pháp y

quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Phân viện kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: sưng nề má trái hiện không còn dấu vết: 0%. Gãy cung gò má trái: 09%. Gãy xương chính mũi: 08%. Gãy thành xoang hàm trái đã kết hợp xương: 08%. Kết luận: căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Dương Chí L là 23% (hai mươi ba phần trăm) theo nguyên tắc cộng tại Thông tư. Căn cứ Mục I.2 Chương 11 (tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương răng – hàm – mặt) và Mục II.3.1, II.4.1 Chương 12 (tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương tai – mũi – họng) Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, để xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Dương Chí L. Thương tích vùng mặt của Dương Chí L do vật tày tác động trực tiếp gây ra.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, Cơ quan điều tra có văn bản số 151/ĐTTH và số 152/ĐTTH gửi Bệnh viện N và Trung tâm Pháp y tỉnh B yêu cầu làm rõ những ghi nhận về thương tích của bị hại Dương Chí L. Theo đó, ngày 02 tháng 8 năm 2021 Bệnh viện N ra văn bản số 2305/BVNĐC – KHTH, ngày 04 tháng 8 năm 2021 Trung tâm Pháp y tỉnh B ra văn bản số 111/PY-GĐTH để phản hồi về những ghi nhận về thương tích của bị hại. Theo đó, Bệnh viện N và Trung tâm Pháp y tỉnh B xác định đã đọc kết quả CT scanner sọ não ngày 21 tháng 10 năm 2020 bị thiếu và không ghi nhận có gãy xương chính mũi.

Về trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa bị hại L có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại L có yêu cầu Lê Vũ T phải bồi thường tổng số tiền 47.705.000 đồng, gồm: chi phí đi lại, cấp cứu và điều trị thương tích: 17.475.000 đồng, chi phí ăn uống, bồi dưỡng: 10.230.000 đồng và tổn thất tinh thần: 20.000.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường toàn bộ và đã bồi thường trước cho bị hại với số tiền 10.000.000. Tại phiên tòa bị hại L xác định lại yêu cầu, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 30.000.000 đồng gồm: chi phí đi lại, cấp cứu và điều trị thương tích: 17.475.000 đồng, chi phí ăn uống, bồi dưỡng: 10.230.000 đồng và tổn thất tinh thần: 2.295.000 đồng, do bị cáo đã bồi thường trước số tiền 10.000.000 đồng nên yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 20.000.000 đồng còn lại. Bị cáo đồng ý yêu cầu này của bị hại L.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS, ngày 27-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố bị cáo Lê Vũ T về "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ, khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định i, khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điểm đ, khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm i, khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản

2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Vũ T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận việc bị hại và bị cáo thống nhất thỏa thuận các khoản bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bị hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường trước 10.000.000 đồng đề nghị buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 20.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự.

Đối với việc Trà Minh N có hành vi chở Lê Vũ T đến nhà nghỉ X để tìm gặp Dương Chí L và Hồ Thanh L có đi cùng T đến phòng nghỉ trọ nhưng giữa T, N và L không có bàn bạc, không thống nhất về việc gây thương tích cho bị hại. Khi T gây thương tích cho bị hại, N và L mặc dù có mặt nhưng không có hành vi xúi giục, kích động hay giúp sức để T gây thương cho bị hại nên không đồng phạm với T về Tội cố ý gây thương tích.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Vũ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận bị cáo đã dùng tay, đầu gối chân, chân nhiều lần tác động vào người của bị hại L gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 23%, không khiếu nại về các kết luận giám định tỷ lệ thương tật của bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo sớm về lo cho gia đình. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo yêu cầu của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Vũ T – bà Lê Thị Mộng T trình bày: thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố, các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên về mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, do gia cảnh bị cáo hiện đang rất khó khăn, là hộ cận nghèo ở địa phương, có 04 con nhỏ trong khi bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng còn lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Ngọc H: không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bị cáo Lê Vũ T nói lời sau cùng: xin lỗi bị hại và xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục

theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: xuất phát từ việc nghi ngờ bị hại có quan hệ tình cảm với người bạn gái tên Nguyễn Thị Xuân A nên vào khoảng 09 giờ ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại phòng số 21 của nhà nghỉ Hoa Dừa, địa chỉ: ấp H, Thị trấn T, huyện T, tỉnh B, Lê Vũ T đã dùng tay, đầu gối chân, chân tác động vào vùng đầu, ngực, bụng của bị hại Dương Chí L gây ra nhiều vết thương trên cơ thể. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích mà bị cáo đã gây ra cho bị hại Dương Chí L là 23%. Vì vậy bản Cáo trạng số 08/CT-VKS, ngày 27-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú truy tố bị cáo Lê Vũ T về "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. *Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

i) Có tính chất côn đồ;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

…"

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Lê Vũ T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại Dương Chí L một cách trái pháp luật, gây khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt bình thường của người bị hại, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị

cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, có cha là thương binh hạng ¾ , bị cáo là lao động chính trong gia đình được UBND xã T xác nhận, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo Lê Vũ T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra. Bị cáo gây thương tích cho bị hại chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị hại đã xin lỗi và không hề phản kháng khi bị bị cáo tấn công nhưng bị cáo vẫn liên tiếp có hành vi đấm, đánh, đá vào cơ thể bị hại từ đó cho thấy tính côn đồ hung hăng của bị cáo. Hành vi của bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân và tình hình loại tội này tại địa phương đang ngày một gia tăng nên cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

Xét đề nghị của người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án 02 năm tù, thấp hơn đề nghị khởi điểm của Viện kiểm sát là chưa tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm này của người bào chữa. Tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt là xem xét về gia cảnh của bị cáo để lượng hình cho phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: xét việc bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe gồm: chi phí đi lại, cấp cứu và điều trị thương tích: 17.475.000 đồng, chi phí ăn uống, bồi dưỡng: 10.230.000 đồng và tổn thất tinh thần: 2.295.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền này và đã bồi thường trước số tiền 10.000.000 đồng nên khấu trừ và buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp.

[9] Trà Minh N, Hồ Thanh L mặc dù có mặt và chứng kiến toàn bộ quá trình T gây thương tích cho L nhưng không có hành vi xúi giục, kích động hay giúp sức để T gây thương tích cho bị hại L nên không đồng phạm với T về Tội cố ý gây thương tích.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: do bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo được miễn nộp theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Vũ T phạm tội "Cố ý gây thương tích",

Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Vũ T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 13, Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lê Vũ T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Dương Chí L với tổng số tiền 30.000.000 đồng nhưng được khấu trừ với số tiền 10.000.000 đồng đã giao cho bị hại, buộc bị cáo Lê Vũ T phải bồi thường thêm là 20.00.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án bị cáo Lê Vũ T được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Cẩm Nhung